



HAI MINH

HAI MINH CORPORATION

C.TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 561A Điện Biên Phủ - P. 25 – Quận Bình Thạnh – Tp HCM

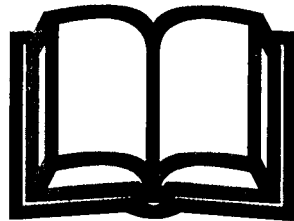
Tel: 08. 3512 8668

Fax: 08. 3512 8688

haiminhgroup@vnn.vn

www.haiminh.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÍ 4 NĂM 2016
(MÃ CK : HMH)



Tp. HCM ngày 25 tháng 01 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư	
			31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98,845,751,526	90,624,778,397
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46,639,887,570	52,599,242,118
1. Tiền	111		14,139,887,570	14,516,205,451
2. Các khoản tương đương tiền	112		32,500,000,000	38,083,036,667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,282,694,444	1,000,000,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1,282,694,444	1,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46,920,478,944	31,810,807,855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	35,544,334,684	22,901,838,159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,723,200,927	899,400,000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	7,652,943,333	8,009,569,696
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	730,863,097	409,147,190
Hàng tồn kho	141		730,863,097	409,147,190
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,271,827,471	4,805,581,234
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	2,555,375,810	1,566,585,917
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		716,451,661	3,238,995,317
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188,626,949,798	178,625,123,512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		467,088,000	997,088,000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	467,088,000	997,088,000
II. Tài sản cố định	220		97,711,502,333	106,824,915,628
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	95,839,996,916	105,105,954,977
Nguyên giá	222		162,856,805,968	160,708,277,567
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67,016,809,052)	(55,602,322,590)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1,871,505,417	1,718,960,651
Nguyên giá	228		1,893,987,237	1,721,291,237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22,481,820)	(2,330,586)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40,662,097,159	22,823,947,544
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	40,662,097,159	22,823,947,544
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	44,267,979,288	42,109,776,064
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		41,367,962,469	36,309,776,064
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,900,016,819	5,800,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,518,283,018	5,869,396,276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	5,339,253,478	5,078,595,528
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		179,029,540	48,371,866
3. Lợi thế thương mại	268		-	742,428,882
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		287,472,701,324	269,249,901,909

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2016	Số dư 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22,149,558,113	13,319,321,096
I. Nợ ngắn hạn	310		21,907,305,060	13,015,300,043
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11,318,366,588	6,455,117,554
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1,333,504,560	3,257,456,828
3. Phải trả người lao động	314		1,591,725,953	1,571,894,499
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		148,011,375	181,973,943
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	7,181,775,855	1,085,005,415
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	333,920,729	463,851,804
II. Nợ dài hạn	330		242,253,053	304,021,053
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	155,000,000	198,068,000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		87,253,053	105,953,053
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		265,323,143,211	255,930,580,813
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	265,323,143,211	255,930,580,813
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131,998,470,000	131,998,470,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		131,998,470,000	131,998,470,000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5,840,984,271	5,860,984,271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,746,260,664	6,746,260,664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119,412,512,496	109,777,973,675
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		88,796,513,230	76,622,858,271
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		30,615,999,266	33,155,115,404
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1,324,915,780	1,546,892,203
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287,472,701,324	269,249,901,909

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 1 năm 2017



NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

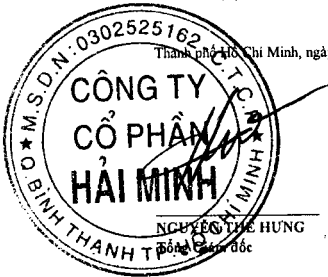
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

(Có so sánh với số liệu Quý IV năm 2015)

MẪU B02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Năm 2016		Năm 2015	
			năm 2016	Quý IV năm 2015	Năm 2016	Năm 2015		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31,553,906,108	34,615,787,105	115,966,322,018	135,815,175,067		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	3,510,000	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31,553,906,108	34,615,787,105	115,962,812,018	135,815,175,067		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26,379,859,384	27,921,685,678	95,896,994,213	108,716,859,223		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,174,046,724	6,694,101,427	20,065,817,805	27,098,315,844		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,456,854,235	1,659,187,822	11,139,193,057	3,941,365,357		
7. Chi phí tài chính	22		86,355,222	22,351,911	267,085,147	165,117,403		
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-		
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3,011,585,154	4,083,798,648	12,294,948,124	15,132,262,046		
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	2,496,695,450	2,419,945,697	9,872,112,480	8,872,702,796		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,059,435,441	9,994,790,289	33,360,761,359	37,134,123,048		
12. Thu nhập khác	31		18,000,002	15,957,598	4,867,554,595	1,425,152,571		
13. Chi phí khác	32		79,699,824	6,000,000	3,039,011,166	15,635,494		
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.5	(61,699,822)	9,957,598	1,828,543,429	1,409,517,077		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,997,735,619	10,004,747,887	35,189,304,788	38,543,640,125		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,637,075,829	1,131,462,933	4,651,039,068	5,019,000,091		
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2,666,667	-	(137,567,941)	(53,209,053)		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,357,993,123	8,873,284,954	30,675,833,661	33,577,849,087		
<i>Trong đó:</i>								
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		9,358,232,129	8,849,019,021	30,610,673,245	33,454,943,094		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(239,006)	24,265,933	65,160,416	122,905,993		
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	638	794	2,087.12	3,002.00		
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		638	794	2,087.12	3,002.00		



(Handwritten signature)

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35,189,304,788	38,543,640,125
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13,111,830,411	12,663,191,323
- Các khoản dự phòng	03		-	(375,744,460)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền	04		-	(2,199,245)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(31,293,117,172)	(19,883,100,159)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17,008,018,027	30,945,787,584
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		5,238,638,387	5,224,058,157
- Tăng hàng tồn kho	10		(321,715,907)	728,240,869
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập	11		4,635,600,834	1,386,853,412
- Tăng chi phí trả trước	12		(1,249,447,843)	1,469,113,043
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5,938,867,484)	(4,269,841,814)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	129,317,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5,618,453,511)	(3,143,023,852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13,753,772,503	32,470,506,399
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23,412,352,796)	(37,879,208,664)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4,828,645,143	2,703,636,364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,282,694,444)	(19,150,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,000,000,000	22,700,000,000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2,899,983,181	1,800,000,000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,687,123,565	15,820,757,112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5,279,295,351)	(14,004,815,188)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	22,739,220,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh ngh	32		-	815,798,546
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14,433,831,700)	(14,956,456,910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14,433,831,700)	8,598,561,636
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5,959,354,548)	27,064,252,847
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52,599,242,118	25,532,790,026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2,199,245
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		46,639,887,570	52,599,242,118

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 1 năm 2017

NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

MÃU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2016 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc của Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 3 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	96,08%	96,08%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100,00% (trong đó:	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Minh	ba Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng		99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	

Công ty có công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25,00%	25,00%
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Minh	Tầng 17 tòa nhà Pearl Plaza, số 561 A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49,00%	49,00%

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 172 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 169 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2016 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đây là kỳ kế toán thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần III - Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2016.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu bảo hiểm; phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; tạm ứng nhân viên; các ký quỹ; ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo do giá trị hàng tồn kho dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời,...) có thể

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

xảy ra đối với hàng tồn kho của Công ty. Tăng và giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5-25
Máy móc thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chi phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm lập Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí trả trợ cấp mất việc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập Báo cáo.

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

15. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số dư 31/12/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
Tiền mặt	1.732.942.897	1.855.176.357
Tiền gửi ngân hàng	12.406.944.673	12.661.029.094
Các khoản tương đương tiền	32.500.000.000	38.083.036.667
Cộng	<u>46.639.887.570</u>	<u>52.599.242.118</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**a) Ngắn hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	1.282.694.444	-
-----------------------------	---------------	---

b) Dài hạn

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	-	1.000.000.000
----------------------------	---	---------------

Cộng	<u>1.482.694.444</u>	<u>1.000.000.000</u>
-------------	-----------------------------	-----------------------------

3. Phải thu của khách hàng

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	5.760.687.873	2.761.104.961
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	326.593.044	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.520.543.759	2.567.486.859
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	1.191.982.778	1.098.841.806
Công ty TNHH Tiếp vận Việt Tín	175.025.000	206.877.000
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	469.187.662	-
Công ty TNHH Toàn Cầu Khải Minh	587.245.375	-
Công ty TNHH Thương mại Vận chuyển Toàn Cầu	5.827.429.200	-
Công ty TNHH MTV Kho Vận VIETSUN Hải Phòng	1.405.345.241	-
Các khách hàng khác	17.280.294.752	15.060.530.661
Cộng (*)	<u>35.544.334.684</u>	<u>22.901.838.159</u>
(*) Phải thu bên liên quan	<u>8.607.824.676</u>	<u>6.535.588.692</u>

4. Phải thu khác

	<u>Số dư 31/12/2016</u>		<u>Số dư 01/01/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	7.652.943.333	-	8.009.569.696	-
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-
Tạm ứng nhân viên	436.365.292	-	461.810.659	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	864.199.764	-	1.195.380.760	-
b) Phải thu dài hạn khác	467.088.000	-	997.088.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ làm đại lý tiêu thụ	-	-	500.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	367.088.000	-	397.088.000	-
Cộng (*)	<u>8.120.031.333</u>	-	<u>9.006.657.696</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	<u>Số dư 31/12/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
Nguyên liệu, vật liệu	147.954.792	-
Hàng hóa	582.908.305	409.147.190
Cộng	730.863.097	409.147.190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	730.863.097	409.147.190

6. Chi phí trả trước

a) <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	2.555.375.810	1.566.585.917
Chi phí kiểm định	152.366.244	-
Chi phí mua bảo hiểm	505.535.648	-
Chi phí dầu	10.551.833	-
Công cụ, dụng cụ	553.947.403	58.445.495
Chi phí sửa chữa	493.067.947	364.090.820
Chi phí khác	839.906.735	1.144.049.602
b) <i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	5.339.253.478	5.078.595.528
Công cụ, dụng cụ	3.253.163.273	4.906.541.680
Chi phí sửa chữa	772.245.434	172.053.848
Chi phí khác	1.313.844.771	-
Cộng	7.894.629.288	6.645.181.445

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2016	76.808.507.516	411.805.821	75.638.491.259	3.755.344.698	4.094.128.273	160.708.277.567
Tăng trong kỳ	-	-	5.401.507.181	-	-	5.401.507.181
Giảm trong kỳ	-	-	3.252.978.780	-	-	3.252.978.780
Số dư 31/12/2016	76.808.507.516	411.805.821	77.787.019.660	3.755.344.698	4.094.128.273	162.856.805.968
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2016	19.689.106.388	65.311.728	33.245.793.044	1.142.773.144	1.459.338.286	55.602.322.590
Tăng trong kỳ	3.582.822.432	99.923.913	8.377.023.936	326.148.516	705.760.380	13.091.679.177
Giảm trong kỳ	-	-	1.677.192.715	-	-	1.677.192.715
Số dư 31/12/2016	23.271.928.820	165.235.641	39.945.624.265	1.468.921.660	2.165.098.666	67.016.809.052
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2016	57.119.401.128	346.494.093	42.392.698.215	2.612.571.554	2.634.789.987	105.105.954.977
Số dư 31/12/2016	53.536.578.696	246.570.180	37.841.395.395	2.286.423.038	1.929.029.607	95.839.996.916
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại 01/01/2016	-	-	12.930.378.821	493.860.149	-	13.424.238.970
Số dư 31/12/2016	-	-	16.200.787.495	493.860.149	-	16.694.647.644

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2016	1.721.291.237	1.721.291.237
Tăng trong kỳ	172.696.000	172.696.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/12/2016	1.893.987.237	1.893.987.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2016	2.330.586	2.330.586
Tăng trong kỳ	20.151.234	20.151.234
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 31/12/2016	22.481.820	22.481.820
Giá trị còn lại		
Số dư 01/01/2016	1.718.960.651	1.718.960.651
Số dư 31/12/2016	1.871.505.417	1.871.505.417

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư 31/12/2016	Số dư 01/01/2016
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	34.779.448.068	22.461.947.544
Các công trình khác	5.882.649.091	362.000.000
Cộng	40.662.097.159	22.823.947.544

10. Các khoản đầu tư tài chính

	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	41.367.962.469	36.309.776.064
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	2.900.016.819	5.800.000.000
Cộng	44.267.979.288	42.109.776.064

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

<i>Giá trị đầu tư</i>	Công ty TNHH "K"			Công
	Line Việt Nam	Việt Nam	Đông	
		Hải Minh	Phú	Hàng hải
Tại ngày 01/01/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	800.000.000	26.045.219.451
Tại ngày 31/12/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	-	25.245.219.451
Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư				
Tại ngày 01/01/2016	9.331.303.438	1.631.785.399	(698.532.224)	10.264.556.613
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	10.738.302.749	1.556.645.375	-	12.294.948.124
Cổ tức tạm ghi nhận trong năm	(10.959.771.887)	-	-	(10.959.771.887)
Thanh lý khoản đầu tư			(101.467.776)	(101.467.776)
Điều chỉnh tăng giá trị theo giá trị tài sản thuần tại ngày 31/12/2016	3.795.108.010	29.369.934	-	3.824.477.944
Tại ngày 31/12/2016	12.904.942.310	3.217.800.708	(800.000.000)	15.322.743.018
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	27.507.087.089	8.701.221.199	101.467.776	36.309.776.064
Tại ngày 31/12/2016	31.080.725.961	10.287.236.508	-	41.367.962.469

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như sau:

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị niêm yết, giá hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

	Số dư 31/12/2016		Số dư 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	-	-	17.240.000	17.240.000
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.755.601.460	1.755.601.460	1.977.928.060	1.977.928.060
Công ty Hoa tiêu Tân Cảng	1.480.659.554	1.480.659.554	536.618.487	536.618.487
Khách hàng khác	8.082.105.574	8.082.105.574	3.923.331.007	3.923.331.007
Cộng	11.318.366.588	11.318.366.588	6.455.117.554	6.455.117.554
Phải trả người bán bên liên quan	-	-	17.240.000	17.240.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 31/12/2016
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	(2.361.617.530)	8.453.797.051	6.187.197.628	(95.018.107)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(3.163.465.431)	2.057.447.755	(653.591.415)	(452.426.261)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	801.847.901	6.396.349.296	6.840.789.043	357.408.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.715.309.076	4.651.039.068	5.938.867.484	427.480.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	79.263.907	414.718.783	652.007.954	(158.025.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	1.636.045.169	4.236.320.285	5.286.859.530	585.505.924
Thuế thu nhập cá nhân	146.309.130	1.163.028.540	1.132.640.464	176.697.206
Thuế thu nhập cá nhân- Thuế phải thu	(75.529.886)	76.982.958	92.403.205	(90.950.133)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	221.839.016	1.086.045.582	1.040.237.259	267.647.339
Các loại thuế khác	518.460.835	1.845.547.491	2.256.115.186	107.893.140
Thuế môn bài	-	14.000.000	17.253.003	(3.253.003)
Thuế đất	202.419.000	482.902.000	697.118.000	(11.797.000)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	316.041.835	1.348.645.491	1.541.744.183	122.943.143
Cộng	18.461.511	16.113.412.150	15.514.820.762	617.052.899

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	3.238.995.317	716.451.661
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.257.456.828	1.333.504.560

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Dịch vụ trong nước : 10%

+ Dịch vụ cước vận tải quốc tế : 0%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

13. Phải trả khác

	<u>Số dư 31/12/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác	7.181.775.855	1.085.005.415
Kinh phí công đoàn	116.401.880	90.118.730
BHXH	21.960.159	-
BHYT	5.554.500	-
BHTN	2.030.900	-
Cổ tức đợt 1 năm 2015 phải trả	6.685.923.500	2.463.920
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	349.904.916	972.422.765
b) Phải trả dài hạn khác	155.000.000	198.068.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh - Nhận ký quỹ dài hạn	-	30.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	15.000.000	28.068.000
Cộng (*)	7.336.775.855	1.283.073.415
(*) Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan		
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số dư 01/01/2016		Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)		Thu khác		Sử dụng các quỹ trong kỳ		Số dư 31/12/2016
Quý IV năm 2016									
Quỹ phúc lợi, khen thưởng		138.225.132		3.249.473.671		575.109.000		(3.976.090.214)	(13.282.411)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		325.626.672		1.663.939.765		-		(1.642.363.297)	347.203.140
Cộng		463.851.804		4.913.413.436		575.109.000		(5.618.453.511)	333.920.729

15. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

	Số dư đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
					thuế	phần		soát	
Số dư 01/01/2015	100.000.000.000	2.959.478.445	(694.034.275)	7.479.128.591	107.220.552.832	1.147.640.025	218.112.765.618	218.112.765.618	
Tăng vốn	31.998.470.000	2.779.741.555	-	(733.424.655)	(11.305.566.900)	276.729.009	23.015.949.009	23.015.949.009	
Lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	33.155.115.404	-	123.079.897	33.278.195.301	629.438.791
Bán cổ phiếu quỹ	-	(44.273.318)	673.712.109	-	-	-	-	-	(4.056.477.822)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(4.056.477.822)	-	-	(4.056.477.822)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.235.649.839)	-	-	(15.235.649.839)
Điều chỉnh khác	-	166.037.589	20.322.166	556.728	-	-	(556.728)	186.359.755	
Số 31/12/2015	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	255.930.580.813	255.930.580.813	
Số dư 01/01/2016	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	255.930.580.813	255.930.580.813	
Lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	30.610.673.245	65.160.416	30.675.833.661	30.675.833.661	
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(3.993.413.436)	(122.523.169)	(4.115.936.605)	(4.115.936.605)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.119.755.200)	-	(21.119.755.200)	(21.119.755.200)	
Tăng khác	-	(20.000.000)	-	-	4.251.478.547	135.150.991	4.366.629.538	4.366.629.538	
Giảm khác	-	-	-	-	(114.444.335)	(299.764.661)	(414.208.996)	(414.208.996)	
Số dư 31/12/2016	131.998.470.000	5.840.984.271	-	6.746.260.664	119.412.512.496	1.324.915.780	265.323.143.211	265.323.143.211	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ	Vốn điều lệ theo giấy phép		Số dư 31/12/2016		Số dư 01/01/2016	
	VND	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND	Số cổ phần
Vốn điều lệ	131.998.470.000	13.199.847	131.998.470.000	13.199.847	131.998.470.000	13.199.847
Cộng	131.998.470.000	13.199.847	131.998.470.000	13.199.847	131.998.470.000	13.199.847

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị	Số dư tại 28/12/2016		Số dư 01/01/2016	
				Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần MHC	-	-	-	7,04%	929.198	9.291.980.000	
Peter Eric Dennis	5,64%	744.717	7.447.170.000	5,64%	744.717	7.447.170.000	
Ông Nguyễn Thế Quân	3,99%	526.718	5.267.180.000	3,86%	509.750	5.097.500.000	
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	437.385	4.373.850.000	3,31%	437.385	4.373.850.000	
Pyn Elite Fund (Non - ucits)	2,89%	381.000	3.810.000.000	2,89%	381.000	3.810.000.000	
Ông Lê Ngọc Đức	2,59%	341.886	3.418.860.000	2,59%	341.886	3.418.860.000	
Ông Nguyễn Văn Hà	2,58%	340.185	3.401.850.000	2,58%	340.185	3.401.850.000	
Ông Phùng Văn Quang	2,56%	337.904	3.379.040.000	2,56%	337.904	3.379.040.000	
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2,53%	334.273	3.342.730.000	2,53%	334.273	3.342.730.000	
Các cổ đông khác	73,91%	9.755.779	97.557.790.000	67,00%	8.843.549	88.435.490.000	
Cộng	100,00%	13.199.847	131.998.470.000	100,00%	13.199.847	131.998.470.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá (VND/ cổ phiếu)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015	Lũy kế quý IV năm 2016	Lũy kế quý IV năm 2015
Dịch vụ vận tải	13.789.807.836	19.216.523.576	52.097.536.528	70.990.952.913
Dịch vụ khai thác kho bãi	12.184.302.881	8.332.067.063	41.253.348.589	40.452.444.930
Dịch vụ đại lý container	2.903.912.696	3.376.257.771	12.759.981.185	13.043.024.724
Cho thuê văn phòng	326.373.830	231.043.032	1.488.177.567	636.802.619
Doanh thu bán hàng hóa	<u>2.349.508.865</u>	<u>3.459.895.663</u>	<u>8.363.768.149</u>	<u>10.691.949.881</u>
Cộng	<u>31.553.906.108</u>	<u>34.615.787.105</u>	<u>115.962.812.018</u>	<u>135.815.175.067</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn – dịch vụ vận tải	12.177.326.921	18.208.240.803	45.546.804.532	63.310.112.110
Giá vốn – khai thác kho bãi	10.956.268.553	4.201.297.717	34.930.996.494	28.249.222.410
Giá vốn – đại lý container	699.883.859	1.673.397.305	5.831.444.885	5.474.460.907
Giá vốn – Cho thuê văn phòng	312.075.219	327.689.994	1.538.768.880	930.650.880
Giá vốn bán hàng hóa	<u>2.234.304.832</u>	<u>3.511.059.859</u>	<u>8.048.979.422</u>	<u>10.752.412.916</u>
Cộng	<u>26.379.859.384</u>	<u>27.921.685.678</u>	<u>95.896.994.213</u>	<u>108.716.859.223</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015	Lũy kế quý IV năm 2016	Lũy kế quý IV năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	513.514.390	298.453.022	1.294.568.526	625.685.545
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	76.119.782	-	80.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206.340.819	261.903.800	393.654.494	615.679.812
Đầu tư khác	-	48.831.000	1.223.932.343	1.650.000.000
Đầu tư chứng khoán	4.660.879.244	-	7.948.567.901	
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	-	-	140.054.795	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	58.414.998	
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	-	1.050.000.000	-	1.050.000.000
Cộng	5.456.854.235	1.659.187.822	11.139.193.057	3.941.365.357

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.395.610.878	1.662.578.551	5.388.628.699	5.059.429.981
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	114.881.035		370.329.069	-
Chi phí dụng cụ quản lý	93.652.868		349.911.344	-
Chi phí khấu hao	83.107.598	66.737.562	402.641.708	212.847.446
Thuế phí và lệ phí	5.934.953		40.139.813	-
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	41.165.503		164.662.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.426.448	437.314.177	1.771.634.326	2.009.681.425
Chi phí bằng tiền khác	333.916.167	253.315.407	1.384.165.521	1.590.743.944
Cộng	2.496.695.450	2.419.945.697	9.872.112.480	8.872.702.796

5. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	15.957.598	4.828.645.143	1.425.152.568
Thu nhập khác	18.000.002	-	38.909.452	3
Cộng	18.000.002	15.957.598	4.867.554.595	1.425.152.571

Chi phí khác

Giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý	-	-	2.854.236.646	-
Phạt thuế	29.811.283	-	40.418.495	-
Chi phí khác	49.888.541	6.000.000	144.356.025	15.635.494
Cộng	79.699.824	6.000.000	3.039.011.166	15.635.494

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

	(61.699.822)	9.957.598	1.828.543.429	1.409.517.077
--	---------------------	------------------	----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015	Lũy kế quý IV năm 2016	Lũy kế quý IV năm 2015
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.358.232.129	8.849.019.021	30.610.673.245	33.454.943.094
- Ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi	(935.823.213)	(884.901.902)	(3.061.067.325)	(3.345.494.309)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.422.408.916	7.964.117.119	27.549.605.921	30.109.448.785
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	13.199.847	13.199.847	13.199.847
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	638	794	2.087	3.002

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Giao dịch với bên liên quan***Bên liên quan**

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát
 Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh
 Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh
 Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)
 Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh
 Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>Số dư 31/12/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
Phải thu	5.760.687.873	2.411.895.646
Phải thu khác	6.352.378.277	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu	326.593.044	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Phải thu	<u>2.520.543.759</u>	<u>2.031.443.100</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015	Lũy kế quý IV năm 2016	Lũy kế quý IV năm 2015
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	340.837.500	345.700.000	1.363.350.000	1.382.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giải trình bổ sung chênh lệch Doanh thu & lợi nhuận so cùng kỳ 2015

-Doanh thu quý 4/2016 và lũy kế đến 31/12/2016 sụt giảm mạnh so cùng kỳ năm 2015 nguyên nhân là do ảnh hưởng thị trường hàng hóa nội địa chung trong nước sụt giảm mạnh so với cùng kỳ, dẫn đến ảnh hưởng chung đến hoạt động SXKD.

-Doanh thu hoạt động Tài chính quý 4/2016 tăng so quý 4/2015 do chuyển nhượng một phần Cổ phiếu mà C.ty đang nắm giữ. và lũy kế đến Quý 4/2016 cũng tăng so cùng kỳ

-Doanh thu khác Lũy kế tăng. do năm 2016 thanh lý một số TSCĐ cũ hư hỏng không còn phù hợp nhu cầu SXKD.

-Chi phí BHXH, YT năm 2016 tăng so với năm 2015. Theo QĐ số 959/QĐ-BHXH áp dụng ngày 01/01/2016

-Lợi nhuận từ các Đơn vị liên doanh, liên kết quý 4/2016 và lũy kế đến 2016 cũng giảm so cùng kỳ 2015.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2017



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu